

**ÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 5 - 2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Hoài Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Quý, bà Trần Thị Thúy Sâm.

- Thư ký phiên toà: bà Đoàn Thị Thùy Phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên toà: bà Võ Thị Hương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1958; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1955; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Trong khoảng thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông H thường xuyên chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T. Nay, bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và nguyện vọng là xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống từ năm 2005 đến nay, vợ chồng ông cũng có những lúc cãi vã nhưng ông H chưa bao giờ đánh đập bà T. Ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng. Ông H vẫn mong vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: có 1 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/10/1994.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H yêu cầu nếu việc ly hôn xảy ra thì đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng và ông H sẽ nộp đơn yêu cầu chia tài sản cùng tài liệu, chứng cứ chậm nhất ngày 31/12/2021.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phiên án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS năm 2015; xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS năm 2015. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay các thành viên của Hội đồng xét xử đã có mặt đầy đủ, đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2022. Trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình kể từ khi gửi đơn đến Tòa án cho đến phiên tòa hôm nay. Nội dung đơn khởi kiện đầy đủ, đúng đối tượng. Trong quá trình giải quyết vụ án đã giao nộp chứng cứ cho Tòa án; tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình đúng được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã có đơn trình bày ý kiến của mình, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 20/12/2021; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 31/12/2021, 18/02/2022 và

không tham gia phiên tòa. Bị đơn chấp hành không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình đúng được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS năm 2015.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Nguyễn Văn H.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000003 ngày 12/10/2021 của Chi cục THADS huyện Cam Lộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi đăng ký thường trú và chỗ ở tại thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Theo như bà T trình bày cũng như chính quyền địa phương nơi bà T, ông H sinh sống cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà T và ông H sống ly thân đến nay đã hơn 8 tháng, từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy tình cảm giữa bà T và ông H không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Mặc dù ông Nguyễn Văn H cho rằng ông và bà T có 1 con chung là anh Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/10/1994. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị H xác định anh K không phải là con chung, giấy khai sinh của anh K chỉ thể hiện mẹ là bà Nguyễn Thị T và phần họ tên cha để trống, anh K sinh ra trước thời kỳ hôn nhân của bà T, ông H nên không có căn cứ xác định anh K là con chung của vợ chồng bà T, ông H.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết, ông H mặc dù có trình bày về việc yêu cầu chia tài sản nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000003 ngày 12/10/2021 của Chi cục THADS huyện Cam Lộ. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- UBND xã Cam Hiếu, Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoài Thủy